

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 43/2023/HNGĐ-ST

Ngày 02/11/2023

“Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Quảng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Công Chự

2. Ông Nguyễn Ngọc Bình

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Bích Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:**
Bà Trần Thị Nhất Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 88/2023/TLST-HNGĐ ngày 18/4/2023 về việc “Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị S, sinh năm 1981

Địa chỉ: Xóm M, thôn A, xã M, huyện C, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn M, xã V, huyện P, tỉnh Gia Lai.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện, Bản tự khai, Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn là Bà Đỗ Thị S trình bày:

Bà Đỗ Thị S và ông Nguyễn Xuân Đ là vợ chồng có đăng ký kết hôn năm 2001 tại UBND xã K, huyện C, tỉnh Bình Định. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến sau đó thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, mâu thuẫn kéo dài cho

đến nay không giải quyết được. Hiện tại bà Đỗ Thị S và ông Nguyễn Xuân Đ đã sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay Bà Đỗ Thị S yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Xuân Đ.

Về con chung: Bà Đỗ Thị S và ông Nguyễn Xuân Đ có 03 (ba) con chung là Nguyễn Thị Mỹ N, sinh ngày 11/3/2004; Nguyễn Xuân P1, sinh ngày 18/7/2006 và Nguyễn Xuân P2, sinh ngày 04/01/2018. Con chung Nguyễn Thị Mỹ N, sinh ngày 11/3/2004 đã thành niên và tự lập được nên không yêu cầu giải quyết. Bà S yêu cầu Tòa án giải quyết giao cho bà trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là Nguyễn Xuân P1, sinh ngày 18/7/2006 và Nguyễn Xuân P2, sinh ngày 04/01/2018. Bà S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đỗ Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong Bản tự khai, Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Biên bản hòa giải, bị đơn là ông Nguyễn Xuân Đ trình bày:

Ông Đ và bà S là vợ chồng có đăng ký kết hôn, ông bà đăng ký kết hôn vào năm 2001 tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Bình Định. Bà S yêu cầu ly hôn với ông Đ, ông Đ muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau xây dựng gia đình, nuôi dạy con cái nên không đồng ý yêu cầu ly hôn của bà S.

Về con chung: Ông Nguyễn Xuân Đ và bà Đỗ Thị S có 03 (ba) con chung là Nguyễn Thị Mỹ N, sinh ngày 11/3/2004; Nguyễn Xuân P1, sinh ngày 18/7/2006 và Nguyễn Xuân P2, sinh ngày 04/01/2018. Con chung Nguyễn Thị Mỹ N, sinh ngày 11/3/2004 đã thành niên và tự lập được nên không yêu cầu giải quyết. Đối với con chung là Nguyễn Xuân P1, sinh ngày 18/7/2006 và Nguyễn Xuân P2, sinh ngày 04/01/2018 ông Đ đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Xuân Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, bị đơn là ông Nguyễn Xuân Đ có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng: Đảm bảo theo quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không.

- Về nội dung: Đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà Đỗ Thị S đối với ông Nguyễn Xuân Đ.

+ Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Xuân P1, sinh ngày 18/7/2006 và Nguyễn Xuân P2, sinh ngày 04/01/2018 cho Bà Đỗ Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng.

+ Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn.

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án gồm có:

Đơn khởi kiện; bản sao căn cước công dân; bản sao chứng minh nhân dân; bản sao giấy khai sinh; 01 bản sao giấy chứng nhận kết hôn; bản sao sổ hộ khẩu; xác nhận cư trú; 01 đơn từ chối hòa giải đối thoại; các bản tự khai, bản ghi ý kiến của con chung; đơn xin xác nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Đỗ Thị S yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với ông Nguyễn Xuân Đ. Đơn khởi kiện của bà Đỗ Thị S phù hợp quy định tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Xuân Đ hiện cư trú tại thôn M, xã V, huyện P, tỉnh Gia Lai nên Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Nguyễn Xuân Đ vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt do vậy Tòa án nhân dân huyện P xét xử vắng mặt bị đơn theo khoản 1, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn

Bà Đỗ Thị S và ông Nguyễn Xuân Đ có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Bình Định vào năm 2001. Bà Đỗ Thị S và ông Nguyễn Xuân Đ kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, bà Đỗ Thị S và ông Nguyễn Xuân Đ chung sống hạnh phúc một thời gian thì P1 sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên xích mích, cãi vã, không có quan điểm chung. Hiện tại bà S và ông Đ đã sống ly thân, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải cho các đương sự về đoàn tụ, xây dựng gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên, bà Đỗ Thị S vẫn một mực yêu cầu giải quyết ly hôn, không chấp nhận đoàn tụ. Xét thấy tình trạng hôn nhân của bà Đỗ Thị S và ông Nguyễn Xuân Đ là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đỗ Thị S.

[3] Về con chung: Bà Đỗ Thị S và ông Nguyễn Xuân Đ có 03 (ba) con chung là Nguyễn Thị Mỹ N, sinh ngày 11/3/2004 đã thành niên và tự lập được; Nguyễn Xuân P1, sinh ngày 18/7/2006 và Nguyễn Xuân P2, sinh ngày 04/01/2018. Xét cha mẹ có nghĩa vụ trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc con chưa thành niên. Xét yêu cầu của bà Đỗ Thị S, thấy rằng con chung Nguyễn Xuân P1 có nguyện vọng được sống cùng mẹ

và em; các con chung hiện đang do bà Đỗ Thị S chăm sóc nuôi dưỡng, việc giao các con chung cho bà Đỗ Thị S tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo sự P1 triển bình thường của con chung. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về nuôi con chung của nguyên đơn, giao 02 con chung là Nguyễn Xuân P1, sinh ngày 18/7/2006 và Nguyễn Xuân P2, sinh ngày 04/01/2018 cho nguyên đơn tiếp tục chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Riêng con chung là Nguyễn Thị Mỹ N, sinh ngày 11/3/2004 hiện đã trưởng thành, tự lập được nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nguyên đơn không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét về cấp dưỡng.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc chia tài sản chung và nghĩa vụ thanh toán chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Đỗ Thị S phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 195; Điều 220; khoản 1 Điều 228; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị S được ly hôn với ông Nguyễn Xuân Đ.

2. Về con chung:

Giao 02 (hai) con chung là Nguyễn Xuân P1, sinh ngày 18/7/2006 (Theo nguyện vọng của con chung) và Nguyễn Xuân P2, sinh ngày 04/01/2018 cho bà Đỗ Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí:

Buộc Bà Đỗ Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng trước đây theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004965 ngày 24 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Gia Lai. Bà Đỗ Thị S đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Bà Đỗ Thị S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (02/11/2023). Ông Nguyễn Xuân Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- UBND xã C, H. C, tỉnh Bình Định;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Võ Văn Quảng